

CHÍNH PHỦ
Số: 43/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 1997

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Ban hành Điều lệ mẫu hợp tác xã nông nghiệp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Bản Điều lệ mẫu hợp tác xã nông nghiệp.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Điều lệ mẫu này.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 4. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ./.

ĐIỀU LỆ MẪU HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị định số 43/CP ngày 29 tháng 3 năm 1997 của Chính phủ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa Hợp tác xã Nông nghiệp:

Hợp tác xã Nông nghiệp là tổ chức kinh tế tự chủ, do nông dân và những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho kinh tế hộ gia đình của xã viên và kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và kinh doanh các ngành nghề khác ở nông thôn, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Điều 2. Phạm vi áp dụng của Điều lệ mẫu:

1. Điều lệ mẫu này áp dụng đối với các Hợp tác xã nông nghiệp ở nông thôn;
2. Hợp tác xã Nông nghiệp có tư cách pháp nhân; được mở tài khoản tại Ngân hàng; tối thiểu phải có 7 xã viên trở lên; có vốn tài sản do các xã viên đóng góp và vốn tự tích lũy của Hợp tác xã; chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ khác bằng toàn bộ số vốn và tài sản thuộc sở hữu của Hợp tác xã; có con dấu riêng; có Điều lệ tổ chức và hoạt động;
3. Các tổ hợp tác nông nghiệp với hình thức, tên gọi khác nhau, không thuộc phạm vi áp dụng của Điều lệ mẫu này.

Điều 3. Hợp tác xã Nông nghiệp tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc sau đây:

1. Tự nguyện gia nhập và ra hợp tác xã: tất cả nông dân và những người lao động có đủ điều kiện theo quy định của Luật hợp tác xã, tán thành Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp, đều có thể trở thành xã viên hợp tác xã nông nghiệp; xã viên có quyền ra hợp tác xã theo quy định của Điều lệ từng hợp tác xã nông nghiệp;
2. Quản lý dân chủ và bình đẳng: Xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp có quyền tham gia quản lý; kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của hợp tác xã và có quyền ngang nhau trong biểu quyết;
3. Tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi: Hợp tác xã Nông nghiệp tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh; tự quyết định về phân phối thu nhập, bảo đảm Hợp tác xã và xã viên cùng có lợi;
4. Việc chia lãi phải bảo đảm kết hợp lợi ích của xã viên và sự phát triển của Hợp tác xã: Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nộp thuế, lãi được trích một phần để đưa vào quỹ của Hợp tác xã, phần còn lại chia cho xã viên theo vốn góp, công sức đóng góp, theo mức độ sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã và do Đại hội xã viên quyết định;

5. Hợp tác và phát triển cộng đồng: Xã viên phải phát huy và nâng cao ý thức hợp tác trong Hợp tác xã và trong cộng đồng xã hội; hợp tác giữa các Hợp tác xã trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hợp tác xã Nông nghiệp có các quyền sau đây:

1. Lựa chọn hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông lâm, thủy sản và các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác theo nhu cầu, lợi ích của xã viên và khả năng của từng hợp tác xã nông nghiệp;
 2. Quyết định hình thức và cơ cấu tổ chức dịch vụ, sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp;
 3. Xuất khẩu, nhập khẩu, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân ở trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
 4. Thuê lao động trong trường hợp xã viên không đáp ứng được yêu cầu dịch vụ, sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp theo quy định của pháp luật;
 5. Quyết định kết nạp xã viên mới, giải quyết việc xã viên ra hợp tác xã, khai trừ xã viên theo Điều lệ của từng Hợp tác xã Nông nghiệp; 6. Quyết định việc phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ của Hợp tác xã Nông nghiệp;
 7. Quyết định khen thưởng những cá nhân có nhiều thành tích xây dựng và phát triển Hợp tác xã Nông nghiệp; thi hành kỷ luật những xã viên vi phạm Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp; buộc xã viên bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho Hợp tác xã Nông nghiệp;
 8. Vay vốn Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, huy động vốn của xã viên, và được bảo lãnh cho xã viên vay vốn tại các tổ chức tín dụng;
 9. Được tham gia góp vốn để trở thành thành viên của quỹ tín dụng nhân dân và được vay vốn tại tổ chức này;
 10. Được bảo hộ bí quyết công nghệ theo quy định của pháp luật;
 11. Từ chối yêu cầu của các tổ chức, cá nhân trái với quy định của pháp luật;
 12. Được mở chi nhánh, văn phòng đại diện của Hợp tác xã Nông nghiệp ở ngoài huyện, tỉnh theo quy định của pháp luật;
 13. Được quyền tham gia Liên hiệp Hợp tác xã, Liên minh Hợp tác xã;
- Hợp tác xã Nông nghiệp còn có các quyền khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hợp tác xã Nông nghiệp có các nghĩa vụ sau đây:

1. Hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh, đúng ngành nghề, mặt hàng đã đăng ký;
2. Thực hiện đúng chế độ kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán của Nhà nước chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật;
3. Nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
4. Bảo toàn và phát triển vốn của Hợp tác xã Nông nghiệp, quản lý và sử dụng đất được Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;
5. Chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ khác bằng toàn bộ vốn và tài sản thuộc sở hữu của Hợp tác xã Nông nghiệp;
6. Bảo vệ môi trường, sinh thái, cảnh quan, di tích lịch sử và các công trình quốc phòng an ninh theo quy định của pháp luật;
7. Bảo đảm các quyền của xã viên và thực hiện các cam kết kinh tế đối với xã viên;
8. Thực hiện các nghĩa vụ đối với xã viên trực tiếp lao động cho hợp tác xã nông nghiệp và người lao động do hợp tác xã thuê, khuyến khích và tạo điều kiện để những người lao động trở thành xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp;
9. Đóng bảo hiểm xã hội cho xã viên theo quy định của pháp luật;
10. Chăm lo giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, cung cấp thông tin để mọi xã viên tích cực tham gia xây dựng Hợp tác xã Nông nghiệp.

Điều 6. Thành lập và đăng ký kinh doanh của Hợp tác xã nông nghiệp:

1. Khi thành lập Hợp tác xã Nông nghiệp phải làm đầy đủ thủ tục theo quy định tại Điều 12, 13, 14, 15 của Luật Hợp tác xã.
2. Hồ sơ đăng ký kinh doanh gồm:
 - a. Đơn đăng ký kinh doanh, kèm theo biên bản đã thông qua tại hội nghị thành lập Hợp tác xã Nông nghiệp;
 - b. Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp;
 - c. Danh sách Ban quản trị gồm: Chủ nhiệm và các thành viên khác, Ban kiểm soát;
 - d. Danh sách xã viên, địa chỉ, nghề nghiệp của họ và tối thiểu phải có 7 xã viên trở lên;
 - đ. Danh sách góp vốn Điều lệ, có chữ ký của từng xã viên;
 - e. Phương án dịch vụ, sản xuất, kinh doanh;

g. Địa chỉ trụ sở chính của Hợp tác xã Nông nghiệp;

3. Hợp tác xã Nông nghiệp muốn kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật quy định phải có giấy phép hành nghề, thì Hợp tác xã Nông nghiệp phải có giấy phép hành nghề gửi kèm theo hồ sơ xin đăng ký kinh doanh.

4. Hợp tác xã Nông nghiệp có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 7. Hợp nhất và chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp:

1. Đại hội xã viên quyết định việc hợp nhất với các Hợp tác xã Nông nghiệp thành một Hợp tác xã Nông nghiệp hoặc chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp thành hai hay nhiều Hợp tác xã Nông nghiệp.

2. Khi hợp nhất hoặc chia tách, Ban quản trị các Hợp tác xã Nông nghiệp phải:

a. Đề nghị Ủy ban nhân dân nhân dân cấp thẩm quyền thành lập Hội đồng để giải quyết việc hợp nhất, chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp, Hội đồng này gồm Chủ nhiệm các Hợp tác xã Nông nghiệp hợp nhất hoặc chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp chia tách. Hội đồng có nhiệm vụ bàn bạc hiệp thương để thống nhất giải quyết các vấn đề liên quan đến việc hợp nhất hoặc chia tách, thực hiện các nhiệm vụ của Ban trụ bị Hợp tác xã Nông nghiệp mới;

b. Xây dựng phương án xử lý tài sản, vốn, quỹ, tổ chức và nhân sự khi hợp nhất hoặc chia tách để đại hội xã viên quyết định; xây dựng phương hướng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; dự thảo Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp mới để Đại hội xã viên quyết định;

c. Triệu tập Đại hội xã viên để quyết định phương án xử lý tài sản, vốn, quỹ, tổ chức, nhân sự khi hợp nhất hoặc chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp;

d. Thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với Hợp tác xã Nông nghiệp về quyết định hợp nhất hoặc chia tách và giải quyết các vấn đề kinh tế có liên quan đến họ;

đ. Gửi hồ sơ xin hợp nhất hoặc chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp đến Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

Đơn xin hợp nhất hoặc chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp;

Nghị quyết Đại hội xã về hợp nhất hoặc chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp;